*Mẫu:* ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN  
 **TÊN CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

**ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA TIẾP NHẬN PHƯƠNG TIỆN THỦY NƯỚC NGOÀI**(Lần đầu)

Tên cơ quan, bộ phận thực hiện:

Thời gian tổ chức đánh giá:

(Lưu ý: Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa là tài liệu mật, nghiêm cấm việc sao chép, sử dụng, tiếp cận trái phép tài liệu này, trừ những người có trách nhiệm đối với công tác an ninh cảng thủy nội địa. Khi không sử dụng phải lưu giữ trong két bảo mật)

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…, ngày … tháng ... năm...* **GIÁM ĐỐC** *(Ký tên và đóng dấu)* |

**MỤC LỤC**

**Lời nói đầu**

I. Khái quát về cảng (1)

II. Cơ sở pháp lý đối với việc đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (2)

III. Phương án thực hiện đánh giá an ninh cảng thủy nội địa (3)

IV. Các tài sản, kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ (4)

V. Các mối đe dọa đối với cảng (5)

VI. Hậu quả của các sự cố an ninh (6)

VII. Các khuyến nghị

VIII. Các Phụ lục

Phụ lục 1: Sơ đồ cảng

Phụ lục 2: Danh mục các cầu, bến cảng

Phụ lục 3: Phân tích rủi ro đối với mối đe dọa, tình huống giả định áp vào một tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể, bao gồm các nội dung:

- Quan sát, khảo sát ngay tại vị trí tài sản, kết cấu hạ tầng được thiết lập để mô tả các đặc điểm, yếu tố của chúng dưới góc độ bảo đảm an ninh nếu tình huống giả định xảy ra. Cụ thể cần mô tả về:

+ Vị trí;

+ Vai trò, công dụng của tài sản, kết cấu hạ tầng và ảnh hưởng của nó đối với hoạt động chung của cảng;

+ Loại, cấp cấu trúc của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các kết cấu liền kề hoặc tiếp giáp với của tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Hàng rào vòng ngoài;

+ Các lối, vị trí, nơi ra vào hoặc có thể tiếp cận tài sản, kết cấu hạ tầng;

+ Các hệ thống, biện pháp an ninh, bảo vệ hiện đang được vận hành; quy định ra vào, báo động, giám sát xâm nhập, chiếu sáng, camera kiểm soát tiếp cận, xâm nhập v.v…

- Nhận xét về các khiếm khuyết, điểm yếu đối với các vấn đề nêu trong các nội dung đã được mô tả, nhất là về: hàng rào; lối ra vào, tiếp cận; việc lưu thông, qua lại khu vực tài sản, kết cấu hạ tầng; quy định, cách thức kiểm tra, kiểm soát; báo động; ý thức cảnh giác của cán bộ, nhân viên và việc phổ biến, huấn luyện về an ninh v.v...

- Các biện pháp an ninh cần thiết lập, áp dụng khi các cấp độ an ninh cao hơn được thiết lập cho cảng thủy nội địa:

+ Cấp độ an ninh 2;

+ Cấp độ an ninh 3.

- Tính toán, lập Bảng kết quả phân tích rủi ro đối với các mối đe dọa tiềm ẩn, phù hợp với tình hình an ninh thực tế của cảng mình.

***Ghi chú:***

(1) Doanh nghiệp cảng tập hợp, thu thập thông tin về cảng thủy nội địa như sau:

a) Vị trí địa lý, diện tích và ranh giới tiếp giáp (vùng đất cảng, vùng nước trước cảng);

b) Vai trò của cảng đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh, khu vực hoặc quốc gia;

c) Số lượng và chủng loại hàng thông qua cảng;

d) Số lượt tàu đến cảng trong năm, loại tàu và quốc tịch tàu;

đ) Loại công trình cảng;

e) Các kết cấu hạ tầng của cảng;

g) Sơ đồ tổ chức, điều hành sản xuất, kinh doanh;

h) Các nội quy, quy định, quy trình hiện hành liên quan đến trật tự, trị an cảng;

(2) Nêu rõ việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

(3) Nêu các nội dung: thành phần tham gia đánh giá an ninh cảng thủy nội địa gồm những ai? Nội dung tập hợp thông tin về kết cấu hạ tầng quan trọng cần bảo vệ và các vấn đề liên quan thực hiện trong bao lâu?

(4) tham khảo mục 15.7 phần B của Bộ luật An ninh tàu và bến cảng (Bộ luật ISPS) để xác định những tài sản, kết cấu hạ tầng cụ thể nào là quan trọng, cần bảo vệ.

(5) Xác định các mối đe dọa đối với cảng như trộm cắp, buôn lậu ma túy, di cư, vượt biên trái phép và lậu vé; trộm cắp có vũ trang đối với tàu biển; phá hoại; khủng bố và tham khảo mục 15.11 Phần B của Bộ luật ISPS để xác định các mối đe dọa, sự cố an ninh cụ thể có thể xảy ra đối với cảng của mình.

(6) nêu những hậu quả chung và hậu quả, ảnh hưởng hậu quả của các tình huống giả định.

**ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **ĐÁNH GIÁ** | |
| **I** | **Tổng quát** | | |
| 1 | Tên cảng thủy nội địa |  | |
| 2 | Doanh nghiệp cảng thủy nội địa |  | |
| 3 | Tên của cán bộ an ninh cảng thủy nội địa |  | |
| 4 | Số lượt tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua |  | |
| 5 | Loại tàu thuộc diện áp dụng quy định bảo đảm an ninh ghé vào cảng trong năm qua |  | |
| 6 | Thời gian kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa đã được phê duyệt |  | |
| 7 | Từ ngày được phê duyệt đến nay cảng có thay đổi lớn gì về kết cấu, trang thiết bị hay khai thác không? | □ Có  Chuyển đến Mục VI | □ Không |
| 8 | Từ ngày được phê duyệt đến nay tại cảng có xảy ra sự cố an ninh nào không? | □ Có  Chuyển đến Mục VI | □ Không |
| **II** | **Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm** |  |  |
| 1 | Ban (bộ phận) an ninh cảng có được thành lập không? | □ Có | □ Không |
| 2 | Ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có họp định kỳ không? | □ Có Chu kỳ: | □ Không |
| 3 | Cán bộ an ninh có được chỉ định bằng văn bản không? | □ Có | □ Không |
| 4 | Các thành viên trong ban (bộ phận) an ninh cảng thủy nội địa có hiểu rõ trách nhiệm của mình không? | □ Có | □ Không |
| 5 | Các nhân viên bảo vệ có hiểu rõ trách nhiệm của mình không? | □ Có | □ Không |
| 6 | Các nhân viên khác trong cảng có hiểu rõ trách nhiệm của mình không? | □ Có | □ Không |
| 7 | Cảng có thiết lập các quy trình nhằm bảo vệ các thông tin nhạy cảm về an ninh đường thủy nội địa, kể cả Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
| 8 | Cảng có thiết lập mối quan hệ với các cơ quan có liên quan đến an ninh đường thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
| 9 | Cảng có ký bản cam kết an ninh với tàu không? | □ Có | □ Không |
| **II** | **Các biện pháp an ninh** |  |  |
| **1** | **Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa** |  |  |
| 1.1 | Các biện pháp an ninh thủy nội địa đang áp dụng có kiểm soát được |  |  |
|  | - Cán bộ, nhân viên tiếp cận cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Công nhân tiếp cận cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Khách tiếp cận cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Thuyền viên tiếp cận cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Những người khác tiếp cận cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Xe máy, xe đạp tiếp cận cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Xe ô tô chở (người, khách) tiếp cận cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Xe ô tô tải tiếp cận cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Phương tiện thủy tiếp cận cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
| 1.2 | Cảng có xây dựng một hệ thống nhận dạng người và phương tiện ra vào cảng không? | □ Có | □ Không |
| 1.3 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không? | □ Có | □ Không |
| 1.4 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không? | □ Có | □ Không |
| **2** | **Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát các khu vực hạn chế trong cảng** | □ Có | □ Không |
| 2.1 | Các khu vực hạn chế trong cảng có được chỉ báo rõ ràng hay không? | □ Có | □ Không |
| 2.2 | Các biện pháp an ninh hiện đang áp dụng có kiểm soát được: | □ Có | □ Không |
|  | - Cán bộ, nhân viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Công nhân tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Khách tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Thuyền viên tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Những người khác tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Xe máy, xe đạp tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Xe ô tô con tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Xe ô tô tải tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
|  | - Tàu có tiếp cận các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
| 2.3 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không? | □ Có | □ Không |
| 2.4 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không? | □ Có | □ Không |
| **3** | **Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa** |  |  |
| 3.1 | Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng hóa để bảo đảm chỉ những hàng hóa đúng chủng loại mới được cho vào cảng và kho hay không? | □ Có | □ Không |
| 3.2 | Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển hàng hóa để bảo đảm những người này được phép chở hàng hóa vào cảng không? | □ Có | □ Không |
| 3.3 | Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng hóa, kể cả việc kiểm tra niêm phong khi hàng hóa được đưa vào cảng, khi hàng hóa xếp trong cảng? | □ Có | □ Không |
| 3.4 | Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng vào cảng không? | □ Có | □ Không |
| 3.5 | Thực hiện kiểm tra hàng hóa nhằm tránh xáo trộn hàng hóa bằng:  A. Mắt  B. Bằng tay  C. Các thiết bị dò, quét | □ Có  □ Có  □ Có | □ Không  □ Không  □ Không |
| 3.6 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không? | □ Có | □ Không |
| 3.7 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không? | □ Có | □ Không |
| **4** | **Các biện pháp an ninh đối với giao, nhận hàng cung ứng cho tàu** |  |  |
| 4.1 | Có thường xuyên kiểm tra giấy tờ hàng cung ứng để bảo đảm chỉ những mặt hàng đúng chủng loại mới được cho vào cảng để đưa lên tàu không? | □ Có chu kỳ; | □ Không |
| 4.2 | Có thường xuyên kiểm tra người vận chuyển để bảo đảm những người này được phép chở hàng cung ứng vào cảng không? | □ Có chu kỳ; | □ Không |
| 4.3 | Có thường xuyên kiểm tra các thành phần của hàng cung ứng, kể cả việc kiểm tra chi tiết hàng cung ứng trước khi cho phép đưa vào cảng không? | □ Có chu kỳ; | □ Không |
| 4.4 | Có thường xuyên kiểm tra các phương tiện chở hàng cung ứng vào cảng không? | □ Có chu kỳ; | □ Không |
| 4.5 | Thực hiện kiểm tra hàng cung ứng bằng:  A. Mắt  B. Bằng tay  C. Các thiết bị dò, quét | □ Có  □ Có  □ Có | □ Không  □ Không  □ Không |
| 4.6 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không? | □ Có | □ Không |
| 4.7 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không? | □ Có | □ Không |
| **5** | **Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi** |  |  |
| 5.1 | Hành lý gửi có được đánh số, đeo thẻ và để ở những vị trí được bảo vệ thích hợp hay không? | □ Có | □ Không |
| 5.2 | Có thường xuyên kiểm tra hành lý gửi không? | □ Có chu kỳ; | □ Không |
| 5.3 | Thực hiện kiểm tra hành lý gửi bằng:  A. Mắt  B. Bằng tay  C. Các thiết bị dò, quét | □ Có  □ Có  □ Có | □ Không  □ Không  □ Không |
| 5.4 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không? | □ Có | □ Không |
| 5.5 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không? | □ Có | □ Không |
| **6** | **Các biện pháp an ninh đối với Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa** |  |  |
| 6.1 | Lực lượng bảo vệ được bố trí tại các vị trí đã nêu trong Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
| 6.2 | Lực lượng tuần tra các khu vực trong cảng thủy nội địa thực hiện việc tuần tra bằng:  A. Đi bộ  B. Xe đạp, xe máy  C. Ca nô | □ Có  □ Có  □ Có | □ Không  □ Không  □ Không |
| 6.3 | Có sử dụng camera để giám sát các khu vực nhạy cảm trong cảng thủy nội địa không? | □ Có | □ Không |
| 6.4 | Có các biện pháp để bảo đảm hệ thống chiếu sáng, hệ thống an ninh khác được cung cấp điện liên tục không? | □ Có | □ Không |
| 6.5 | Hệ thống chiếu sáng của cảng có bảo đảm đủ sáng để nhận dạng được người, phương tiện tới gần các điểm tiếp cận, hàng rào, các khu vực hạn chế và tàu, khi trời tối hay khi tầm nhìn xa bị hạn chế hay không? | □ Có | □ Không |
| 6.6 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 2 không? | □ Có | □ Không |
| 6.7 | Có xem xét lại tính khả thi và hiệu quả của các quy trình, biện pháp an ninh dự kiến áp dụng ở cấp độ an ninh 3 không? | □ Có | □ Không |
| **IV** | **Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp** |  |  |
| 1 | Có thường xuyên liên hệ với các cơ quan có liên quan không? | □ Có | □ Không |
| 2 | Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch sơ tán sau các đợt thực tập, diễn tập không? | □ Có | □ Không |
| 3 | Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi phát hiện vũ khí/thuốc nổ/vật khả nghi trong cảng sau các đợt thực tập, diễn tập không? | □ Có | □ Không |
| 4 | Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó khi hệ thống chiếu sáng bị mất sau các đợt thực tập, diễn tập không? | □ Có | □ Không |
| 5 | Có cần cập nhật, bổ sung Kế hoạch phòng cháy chữa cháy sau các đợt thực tập, diễn tập không? | □ Có | □ Không |
| 6 | Có cần cập nhật, bổ sung kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu sau các đợt thực tập, diễn tập không? | □ Có | □ Không |
| **V** | **Huấn luyện, thực tập và diễn tập** |  |  |
| 1 | Có tổ chức huấn luyện cho ban (bộ phận) an ninh cảng biển không? | □ Có Biên bản; | □ Không |
| 2 | Có tổ chức huấn luyện cho lực lượng bảo vệ cảng không? | □ Có Biên bản; | □ Không |
| 3 | Có tổ chức huấn luyện cho các cán bộ, công nhân viên trong cảng không? | □ Có Biên bản; | □ Không |
| 4 | Có tổ chức các đợt thực tập theo kế hoạch không? | □ Có Biên bản; | □ Không |
| 5 | Có tổ chức đợt diễn tập theo kế hoạch không? | □ Có Biên bản; | □ Không |
| **VI** | **Đánh giá an ninh cảng thủy nội địa và kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa bổ sung** |  |  |
| 1 | Có tiến hành đánh giá an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không? | □ Có | □ Không cần tiến hành ngay |
| 2 | Có tiến hành lập Kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa theo quy định không? | □ Có | □ Không cần tiến hành ngay |
| **VII** | **Các khuyến nghị bổ sung, sửa đổi kế hoạch an ninh cảng thủy nội địa** | | |
| 1 | Tổ chức an ninh cảng và trách nhiệm |  | |
| 2 | Các biện pháp an ninh |  | |
| 2.1 | Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát tiếp cận cảng thủy nội địa |  | |
| 2.2 | Các biện pháp an ninh đối với các khu vực hạn chế trong cảng thủy nội địa |  | |
| 2.3 | Các biện pháp an ninh đối với hàng hóa |  | |
| 2.4 | Các biện pháp an ninh đối với giao nhận hàng cung ứng cho tàu |  | |
| 2.5 | Các biện pháp an ninh đối với hành lý gửi |  | |
| 2.6 | Các biện pháp an ninh đối với kiểm soát an ninh cảng thủy nội địa |  | |
| 3 | Quy trình báo cáo và các kế hoạch khẩn cấp |  | |
| 4 | Huấn luyện, thực tập và diễn tập |  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỞNG BAN (BỘ PHẬN) AN NINH CẢNG THỦY NỘI ĐỊA** *(Ký tên)* | *....., ngày...tháng...năm...* **GIÁM ĐỐC** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**BẢNG KẾT QUẢ PHÂN TÍCH RỦI RO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | **ĐỐI VỚI TÌNH HÌNH HIỆN TẠI** | | | | |  | **SAU KHI ĐÃ ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP AN NINH** | | | | |
| Cơ sở hạ tầng và hoạt động quan trọng | Xác định các mối đe dọa | | Điểm hậu quả | Điểm khả năng tồn tại | | | Cấp, biện pháp xử lý | Biện pháp an ninh cần áp dụng | Điểm hậu quả | Điểm khả năng tồn tại | | | Cấp, biện pháp xử lý |
| Đối với khả năng xâm nhập | Đối với an ninh tiếp cận | Tổng điểm | Đối với khả năng xâm nhập | Đối với an ninh tiếp cận | Tổng điểm |  |
|  | Mối đe dọa chính 1 | - Tình huống cụ thể 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Tình huống cụ thể 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Mối đe dọa chính 2 | - Tình huống cụ thể 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Tình huống cụ thể 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

Các mối đe dọa, tình huống giả định thường là: tấn công từ xa, đánh bom từ bên ngoài; xâm nhập trái phép; đưa vũ khí vào cảng, lên tàu; chiếm quyền kiểm soát; bắt, khống chế nhân viên; phá hoại; tấn công nhân viên, trộm, cắp tài sản.